Các yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình ở TP. Cần Thơ

CHÂU THỊ LỆ DUYÊN*
PHƯỚC MINH HIỆP**
NGUYỄN THANH LIÊM***
PHAN NGUYỄN HỒNG PHÚC****

Tóm tắt

Nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính bội để ước lượng các nhân tố ảnh hưởng đến chi tiêu giáo dục của hộ gia đình ở TP. Cần Thơ nhằm kiểm tra sự tác động của các biến, bao gồm: Trình độ học vấn của chủ hộ; Tuổi của chủ hộ; Số người đi học; Thu nhập trung bình của hộ; Học thêm; Tình trạng hôn nhân của chủ hộ; Giới tính của chủ hộ; Quy mô gia đình. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 4 biến có ý nghĩa thống kê ảnh hưởng đến Chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình ở TP. Cần Thơ là: (1) Thu nhập của hộ; (2) Tình trạng hôn nhân của chủ hộ; (3) Học thêm; (4) Số người đi học.

Từ khóa: *chi tiêu hộ gia đình cho giáo dục, chi tiêu cho giáo dục, TP. Cần Thơ*

Summary

The study employs multiple linear regression to estimate factors affecting education spending of households in Can Tho city. Variables proposed in the theoretical model include Education level of household head; Age of household head; Number of people going to school; Average household income; Extra tuition; Marital status of household head; Gender of household head; Family size. The outcome shows that there are 4 statistically significant variables affecting household spending on education in Can Tho city: (1) Income of household, (2) Marital status of household head, (3) Extra tuition, (4) Number of people going to school.

Keywords: *education spending of households, spending on education, Can Tho city*

GIỚI THIỆU

Việt Nam được đánh giá là quốc gia có mức chi tiêu cho giáo dục và đào tạo vào loại cao trên thế giới, người dân rất quan tâm đến tương lai giáo dục của con em nên sẵn sàng đầu tư cho giáo dục với mức chi ngày một tăng cao (Woodhall, 2004). Đồng thời, Chính phủ Việt Nam cũng luôn quan tâm, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và hội nhập quốc tế. Chi cho giáo dục, đào tạo bình quân 1 người đi học tại trường công lập hơn 6,1 triệu đồng/người/năm, thấp hơn nhiều so với trường dân lập (25,3 triệu đồng/người/1 năm) và tư thục (17,8 triệu đồng/người/năm). Năm 2020, trung bình các hộ dân cư phải chi hơn 7,0 triệu đồng cho một thành viên đang đi học, tăng khoảng 7,0% so với năm 2018. Ở thành thị, các hộ chi 10,7 triệu đồng cho một thành viên đi học, gấp 2,1 lần so với mức chi ở nông thôn; nhóm hộ có mức thu nhập cao nhất chi hơn 15,4 triệu đồng/người/12 tháng, tăng 4,7% so với năm 2018 và gấp 6,2 lần so với nhóm hộ có mức thu nhập thấp nhất (2,5 triệu đồng/người/12 tháng) (Tổng cục Thống kê, 2021).

Như vậy, có thể thấy, giáo dục và đào tạo đóng vai trò quan trọng trong chi tiêu của hộ gia đình Việt Nam. Tuy nhiên, với tỷ lệ chi tiêu cho giáo dục chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi tiêu của hộ gia đình, thì đây cũng là một gánh nặng tương đối lớn với phần đông các hộ gia đình ở Việt Nam hiện nay (Tô Thị Vân Anh và cộng sự, 2022). Thu nhập thấp làm hạn chế chi tiêu cho giáo dục của người dân và làm giảm khả năng theo đuổi các cấp học cao của con em. Trong bối cảnh

* Trường Đại học Kinh tế, Đại học Cần Thơ
** PGS, TS., Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn
*** TS., Trường Đại học Trà Vinh
**** Trường Đại học Kinh tế, Đại học Cần Thơ
Ngày nhận bài: 01/02/2023; Ngày phản biện: 15/02/2023; Ngày duyệt đăng: 20/02/2023

HÌNH: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT

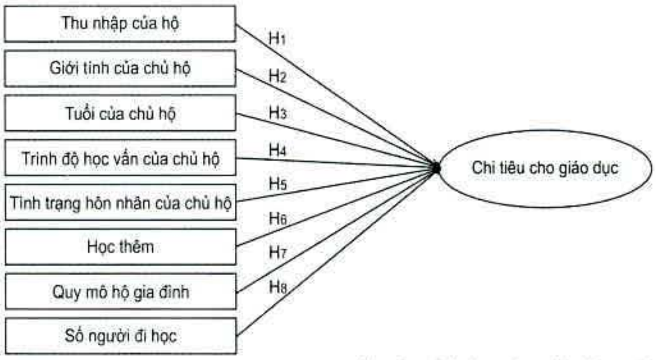

Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

xã hội hóa giáo dục và sự sụt giảm trợ cấp cho ngành giáo dục, gánh nặng chi tiêu cho giáo dục của người dân tăng dần (Khổng Tiến Dũng và Phạm Lê Thông, 2014). Do đó, việc nghiên cứu về lượng chi tiêu cho giáo dục và tìm ra các yếu tố có ảnh hưởng đến chi tiêu cho giáo dục của người dân là hết sức cần thiết.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Lý thuyết vốn con người liên quan đến giáo dục như là một sự đầu tư để tối đa hóa chất lượng cuộc sống (Schultz, 1961; Becker, 1993). Việc đầu tư thêm cho giáo dục sẽ tạo ra lợi ích về mặt nâng cao thu nhập trong tương lai đồng thời đòi hỏi chi phí trực tiếp và chi phí cơ hội, vì không làm việc trong thời gian đi học.

Chi tiêu giáo dục hay chi phí là một khái niệm quan trọng trong kinh tế học giáo dục, được dùng làm cơ sở cho phân tích cận biên về chi phí - lợi ích (Woodhall, 2004). Có hai loại chi phí cơ bản, đó là chi phí tư và chi phí xã hội.

Mỗi loại chi phí trên lại có thể được chia thành 2 loại chi phí đó là chi phí trực tiếp (được đo bằng tiền) và chi phí gián tiếp (chi phí cơ hội). Chi phí gián tiếp chính là thời gian của giáo viên và người học tuần tự bỏ ra cho công tác dạy và học (Bùi Chí Bình, 2014). Họ có thể dành khoảng thời gian này để kiếm thu nhập bằng công việc khác (Woodhall, 2004).

Becker (1993) và Schultz (1963) nhận định, 2 đối tượng có học vấn khác nhau thường có những thu nhập khác nhau. Từ sự khác biệt trong thu nhập đó, cha mẹ sẽ có những quyết định cho con cái đi học trong bao nhiêu năm tùy thuộc vào nhận thức của từng cha mẹ đối với thu nhập của con cái họ trong tương lai. Các nhu cầu học tập của trẻ em có thể được biểu diễn như là một hàm của tiền lương của các thành viên hộ gia đình, chi phí cho giáo dục, thu nhập hộ gia đình chưa được hưởng và một tập hợp các đặc điểm của trẻ em, gia đình và thị trường lao động địa phương.

Theo Tổng cục Thống kê (2014), chi tiêu hộ gia đình là tổng số tiền và giá trị hiện vật mà hộ và các thành viên của hộ đã chi cho tiêu dùng trong một thời gian nhất định, bao gồm cả tự sản, tự tiêu về lương thực, thực phẩm, phi lương thực, thực phẩm và các chi tiêu khác (biếu, đóng góp...). Các khoản chi tiêu hộ gia đình không bao gồm: chi phí sản xuất, thuế sản xuất, gửi tiết kiệm, cho vay, trả nợ và các khoản chi tương tự. Do đó, chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục là tổng số tiền và giá trị hiện vật mà hộ và các thành viên của hộ đã chi cho giáo dục, đào tạo trong một thời gian nhất định.

Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

Khi thu nhập của mọi người trong gia đình tăng lên, thì tổng chi tiêu cũng tăng lên, do đó quyết định đầu tư vào giáo dục của hộ gia đình sẽ gia tăng khi các loại hàng hóa thiết yếu cho nhu cầu cơ bản được đáp ứng. Như vậy, thực sự đã có mối quan hệ giữa tình trạng kinh tế mà đại diện là thu nhập của hộ với mức độ chi tiêu giáo dục (Qian và Smyth, 2010).

Thu nhập kinh tế của hộ gia đình Việt Nam thường được tích lũy qua nhiều nguồn lao động khác nhau, nên thông tin về thu nhập của mỗi người trong hộ cũng như cả hộ sẽ không chính xác, bởi tính chủ quan và khách quan của người kê khai thu nhập. Tuy nhiên, tình trạng kinh tế của hộ sẽ được phản ánh qua mức độ tổng chi tiêu, nên nó cũng ảnh hưởng đến chi tiêu giáo dục. Mô hình nghiên cứu trong nghiên cứu này được kế thừa mô hình nghiên cứu của Khổng Tiến Dũng và Phạm Lê Thông (2014) (trong đó, số nam và số nữ đi học được thay thế bằng biến số người đi học). Bên cạnh đó, nghiên cứu còn bổ sung thêm một số biến độc lập, như: Tình trạng hôn nhân của chủ hộ; Giới tính của chủ hộ và Tổng số thành viên trong hộ được kế thừa từ nghiên cứu của Trần Tùng Chinh và Nguyễn Văn Vũ An (2017), Hoàng Thanh Nghị (2020)... Trên cơ sở đó, mô hình nghiên cứu với biến phụ thuộc là Chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình ở TP. Cần Thơ được đề xuất như Hình.

Các giả thuyết được đưa ra như sau:

H_1: Thu nhập của hộ có tác động dương đến Chi tiêu cho giáo dục.

H_2: Giới tính của chủ hộ có tác động âm đến Chi tiêu cho giáo dục.

H_3: Tuổi của chủ hộ có tác động dương đến Chi tiêu cho giáo dục.

H_4: Trình độ học vấn chủ hộ có tác động dương đến Chi tiêu học vấn cho giáo dục.

H_5: Tình trạng hôn nhân chủ hộ có tác động dương đến Chi tiêu cho giáo dục.

H_6: Học thêm có tác động dương đến Chi tiêu cho giáo dục.

H_7: Quy mô hộ gia đình tác động âm đến Chi tiêu cho giáo dục.

H_8: Số người đi học có tác động dương đến Chi tiêu cho giáo dục.

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu từ bộ dữ liệu điều tra mức sống gia đình (VHLSS) năm 2020 của Tổng cục Thống kê.

Nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát từ tháng 8 đến tháng 10/2022, đối tượng khảo sát là những hộ gia đình có người đi học trên địa bàn TP. Cần Thơ. Nhóm đã thực hiện phương pháp khảo sát chọn mẫu thuận tiện, với số phiếu phát ra 150, số phiếu thu về 121, số phiếu hợp lệ 108.

Nghiên cứu sử dụng một số chỉ tiêu thống kê mô tả (tần số, tần suất) để phân tích đặc điểm nhân khẩu học của đáp viên trong mẫu điều tra. Sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính bội để ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu giáo dục của hộ gia đình ở TP. Cần Thơ nhằm kiểm tra sự tác động của các biến, bao gồm: Trình độ học vấn của chủ hộ; Tuổi của chủ hộ; Số người đi học; Thu nhập trung bình của hộ; Học thêm; Tình trạng hôn nhân của chủ hộ; Giới tính của chủ hộ; Quy mô gia đình. Các biến này được kỳ vọng tác động tích cực đến biến phụ thuộc là Mức chi tiêu giáo dục trung bình của hộ gia đình ở TP. Cần Thơ.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng hệ số phóng đại phương sai (VIF) để kiểm định đa cộng tuyến của mô hình hồi quy. Hệ số VIF của các biến độc lập từ kết quả ước lượng đều < 10. Do đó, có thể kết luận rằng, mô hình hồi quy không có hiện tượng đa cộng tuyến.

Kiểm định White được thực hiện trong nghiên cứu này để phát hiện hiện tượng phương sai sai số thay đổi. Kết quả kiểm định cho thấy, giá trị Prob > Chi^2 của kiểm định bằng 0,235 > 5%, chứng tỏ mô hình không có hiện tượng phương sai sai số thay đổi.

Dựa vào kết quả ước lượng mô hình hồi quy (Bảng) cho thấy, có 4 biến có ý nghĩa thống kê ảnh hưởng đến Chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình ở TP. Cần Thơ là: (1) Thu nhập của hộ; (2) Tình trạng hôn nhân của chủ hộ; (3) Học thêm; (4) Số người đi học. Hệ số xác định R^2 = 52,41% cho biết, 52,41% thay đổi của Chi tiêu cho giáo dục sẽ được giải thích bởi các biến đưa vào mô hình, không có ý nghĩa ở mức độ tin cậy 90%. Còn lại 49,59% thay đổi của lợi nhuận sẽ được giải thích bởi các nhân tố khác không được nghiên cứu trong mô hình này và sai số. Cụ thể:

BẢNG: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HỒI QUY

Tên biến	Hệ số hồi quy	P-value	Sai số chuẩn	Giá trị VIF
Thu nhập	0,010**	0,014	0,004	1,54
Giới tính	1.075,781$^{n.s}$	0,480	1.515,555	1,02
Tuổi	223,694$^{n.s}$	0,546	369,099	1,54
Trình độ học vấn	240,726$^{n.s}$	0,673	569,191	1,06
Tình trạng hôn nhân	2.369,136**	0,016	964,845	1,06
Học thêm	6.775,8**	0,008	2.516,224	1,23
Quy mô gia đình	142,923^{ns}	0,787	528,495	1,76
Số người đi học	1.543,754*	0,091	904,172	1,67
Hằng số	4.298,289$^{n.s}$	0,494	6.265,342	
R^2 (%)			52,41	
VIF trung bình			1,23	
Giá trị Prob > Chi^2 của kiểm định White			0,235	

*(Ghi chú: n.s - không có ý nghĩa thống kê, **, * - tương ứng với mức ý nghĩa thống kê 5% và 10%)*

Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu

- Thu nhập của hộ có giá trị hệ số hồi quy bằng 0,01 (mức ý nghĩa thống kê 5%), cho thấy biến này có tác động dương đến Chi tiêu cho giáo dục. Khi thu nhập của hộ tăng, thì chi tiêu cho giáo dục cũng tăng. Kết quả nghiên cứu này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Minh Thuấn (2014), Trần Tùng Chinh và Nguyễn Văn Vũ An (2017), Hoàng Thanh Nghị (2020), Ngô Thị Ngoan và cộng sự (2021).

- Tình trạng hôn nhân của chủ hộ có giá trị hệ số hồi quy bằng 2.369,136 (mức ý nghĩa thống kê 5%). Kết quả này cho thấy, đây là biến có tác động dương đến Chi tiêu cho giáo dục. Trong nghiên cứu này, biến Tình trạng hôn nhân được mã hóa nhận giá trị 1, nếu chủ hộ đang trong mối quan hệ vợ/chồng và nhận giá trị 0 nếu không phải. Kết quả hồi quy cho thấy, giá trị của hệ số hồi quy mang dấu dương, điều này đồng nghĩa với nếu chủ hộ có tình trạng hôn nhân đang trong mối quan hệ vợ/chồng, thì sẽ có mức chi tiêu cho giáo dục cao hơn so với nhóm chủ hộ còn lại.

- Học thêm có giá trị của hệ số hồi quy bằng 6.775,8 (mức ý nghĩa thống kê 5%), như vậy Học thêm là biến có tác động dương đến Chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình ở TP. Cần Thơ. Nếu gia đình có người đi học thêm sẽ chi nhiều hơn các hộ không có người đi học thêm trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Mặc dù việc học thêm làm gia tăng chi phí cho giáo dục, cũng như chi phí chung của gia đình, nhưng hoạt động này hết sức cần thiết và có ý nghĩa đặc biệt đối với học sinh ở các cấp học cao, nên được các gia đình có điều kiện quan tâm, cân nhắc.

- Số người đi học có giá trị của hệ số hồi quy bằng 1.543,754 (mức ý nghĩa thống kê 5%). Kết quả này cho thấy, Số người đi học là biến có tác động dương đến Chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình. Thành viên đi học của hộ gia đình có ảnh hưởng đến mức chi tiêu bình quân của mỗi trẻ, ngoại trừ các yếu tố ngoại sinh của thu nhập và hành vi chủ hộ, thì hiển nhiên những hộ gia đình có ít thành viên theo học sẽ có mức chi tiêu giáo dục thấp hơn so với hộ có thành viên theo học nhiều.

KẾT LUẬN

Kết quả phân tích đã cho thấy, Thu nhập của hộ gia đình có tác động dương đến Chi tiêu cho giáo dục của hộ, điều này hàm ý rằng khi có nhiều cơ hội để làm việc, nâng cao thu nhập của các thành viên trong hộ hay nâng cao thu nhập của hộ cũng chính là giúp cho hộ gia đình có nhiều điều kiện chi tiêu giáo dục hơn cho con em trong gia đình. Những hộ gia đình có chủ hộ có tình trạng hôn nhân đang trong mối quan hệ vợ/chồng sẽ có mức chi tiêu cho giáo dục cao hơn so với nhóm hộ còn lại. Tình trạng hôn nhân có vai trò làm xúc tác cho kết quả học tập của trẻ cũng như sự đầu tư giáo dục qua sự hạnh phúc gia đình, nghiên cứu kỳ vọng mối quan hệ hôn nhân của chủ hộ sẽ ảnh hưởng tích cực đến chi tiêu giáo dục bình quân hơn chủ hộ sống độc thân và kết quả đã phản ánh đúng như mong đợi. Học thêm là một trong những yếu tố được tìm thấy có ảnh hưởng dương đến chi tiêu cho giáo dục trong nghiên cứu này. Khi hộ gia đình có nhiều thành viên đi học sẽ có mức chi tiêu cho giáo dục cao hơn. Nếu mức chi tiêu cho giáo dục quá cao so với mức thu nhập sẽ tạo gánh nặng về tài chính đối với hộ gia đình. Đồng thời, Số người đi học là yếu tố có tác động dương đến Chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình. Vì vậy, hỗ trợ trong việc miễn, giảm học phí sẽ là một trong những vấn đề cần thiết đối với những hộ gia đình có nhiều thành viên đi học và có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.❑

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Becker, G. S. (1993), *Human Capital - A Theoretical and Empirical Analysis, with Special Reference to Education*,Third Edition, London: The University, of Chicago Press.

2. Bùi Chí Bình (2014), *Kinh tế học Giáo dục*, Nxb Đại học Quốc gia.

3. Hoàng Thanh Nghị (2020), Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu giáo dục của hộ gia đình Việt Nam, *Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế [e-journal]*, truy cập từ https://bitly.com.vn/hv3e69.

4. Khổng Tiến Dũng và Phạm Lê Thông (2014), Các yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu cho giáo dục của người dân ở Đồng bằng sông Cửu Long, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, số 31, 81-90.

5. Nguyễn Minh Thuấn (2014), *Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến chi tiêu giáo dục của hộ gia đình thành thị - nông thôn Việt Nam,* Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

6. Ngô Thị Ngoan và cộng sự (2021), Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình tại các tỉnh Đồng bằng sông Hồng, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên*, số 4, 53-61.

7. Qian, X., and Smyth, R. (2010), Educational expenditure in urban China: income effects, family characteristics and the demand for domestic and overseas education, *Asian Business and Economics Research Unit Discussion* [online], retrieved from https://bitly.com.vn/rtwqhj.

8. Schultz, T. W. (1961), Investment in human capital, *The American Economic Review*, 51(1), 1-17.

9. Schultz, T. W. (1963), *The economic value of education,* New York: Columbia University Press.

10. Tô Thị Vân Anh, Phạm Ngọc Anh và Trịnh Thị Hường (2022), Phân tích yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu chi tiêu giáo dục phổ thông của hộ gia đình Việt Nam năm 2020, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 58(4D), 276-285.

11. Tổng cục Thống kê (2015), *Niên giám Thống kê năm 2014*, Nxb Thống kê.

12. Tổng cục Thống kê (2021), *Chi tiêu cho giáo dục, đào tạo của các hộ gia đình ở Việt Nam những năm gần đây,* truy cập từ https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/09/chi-tieu-cho-giao-duc-dao-tao-cua-cac-ho-gia-dinh-o-viet-nam-nhung-nam-gan-day/.

13. Trần Tùng Chinh và Nguyễn Văn Vũ An (2017), Các yếu tố ảnh hưởng đến việc chi tiêu cho giáo dục của nông hộ tại địa bàn tỉnh Trà Vinh, *Tạp chí khoa học Trường Đại học Trà Vinh*, số 28, 1-10.

14. Woodhall, M. (2004), *Cost-benefit analysis in educational planning - Fourth Edition - UNESCO*, International Institute for Educational Planning.